

“LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ BÀI HỌC PHÁT HUY SỨC MẠNH KHÔI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

■ TS. NGUYỄN DUY HẠNH

Tổng Biên tập tạp chí Giáo dục lý luận

■ CHU XUÂN QUẢNG

Phòng Giáo dục Đào tạo Đầm Hà, Quảng Ninh

1. Ngày 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, hiệu triệu toàn dân tộc Việt Nam nhất tề đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ Tổ quốc. Đây là một tài liệu ngắn gọn, súc tích, thể hiện những quan điểm cốt lõi của Người về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do đến cùng của toàn thể dân tộc Việt Nam. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiếng gọi của non sông đất nước, là lời hịch cứu quốc, khơi dậy mạnh mẽ lòng tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết, anh hùng bất khuất, kiên cường của nhân dân Việt Nam; là hiệu lệnh làm sục sôi khí thế đấu tranh bằng sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ của người Việt Nam với mọi thứ vũ khí có sẵn, với một ý chí “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, một thái độ dứt khoát và kiên định: “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁽¹⁾

Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ

tịch Hồ Chí Minh viết: Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc... Hỡi anh em binh sỹ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Đây chính là thể hiện ý chí toàn thể dân tộc Việt Nam quyết “đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải” để bảo vệ nền tự do và độc lập của mình mà Người đã tuyên bố trong Tuyên ngôn độc lập trước toàn thế giới.

Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xuất phát từ truyền thống đoàn kết của dân tộc, lòng tin vào sức mạnh của nhân dân - có dân là có tất cả. Người thấy rõ sức mạnh của tinh thần đoàn kết dân tộc, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Đó là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào: “Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa tới nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt

1 - Hồ Chí Minh, Toàn tập, T. 4, Nxb. CTQG, H. 2000, tr. 534.

qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"⁽²⁾. Hay Người thường nói: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Vì vậy phải dựa vào dân khơi nguồn sức mạnh, sức sáng tạo của nhân dân. Nhân dân đối với Hồ Chí Minh là toàn dân Việt Nam không phân biệt già trẻ, trai gái, giai cấp, đảng phái, dân tộc. Người giải thích toàn dân kháng chiến nghĩa là ai cũng phải đánh giặc. Bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già người trẻ ai cũng tham gia kháng chiến. Tổ quốc là Tổ quốc chung. Tổ quốc độc lập thì ai cũng được tự do, nếu mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ. Cái mới trong tư tưởng của Người về toàn dân kháng chiến là ở chỗ người đã tìm thấy điểm tương đồng, chất keo kết dính các tầng lớp, giai cấp, dân tộc chính là lợi ích tối cao của dân tộc. Đây là nguyên tắc sống còn được Người khái quát ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc: dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết.

Cùng với kêu gọi toàn dân kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi anh em binh sỹ, tự vệ dân quân phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn non sông đất nước. Đây chính là sự cụ thể hoá quan điểm về thực hiện toàn dân kháng chiến lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt mà Người đã đề cập trong Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân: Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân. Cho nên khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt các đội vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên. Quan điểm đó của Người đã được Đảng ta vận dụng phát triển sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Trên cơ sở động viên toàn dân kháng chiến, Đảng đã tập trung xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân

gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ. Đây chính là phương thức tổ chức lực lượng thích hợp nhất để động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc, kết hợp được lực lượng nòng cốt với lực lượng rộng khắp của toàn dân lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ trên cả nước và từng khu vực để tạo nên sức mạnh lớn nhất tiêu diệt quân thù.

Đó là một quyết định lịch sử, chính xác, kịp thời của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trước vận mệnh của dân tộc. Đồng thời, đây cũng là ý chí, quyết tâm của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trước dã tâm xâm lược của kẻ thù. Thực hiện "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân tộc ta muôn người như một, tạo nên sức mạnh vô địch để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Đó là nhân tố cơ bản mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân tiến hành chiến tranh nhân dân đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (1945 - 1954) và chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ (1954 - 1975), bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Thắng lợi đó là biểu tượng sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Toàn dân nổi dậy, cả nước đồng lòng đứng lên. Từ chiến khu về đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, rồi cả thành thị cùng nông thôn quyết tâm bảo vệ vững chắc nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Thắng lợi đó cũng là minh chứng sinh động về sức mạnh đồng thuận của cả dân tộc Việt Nam, khi được Đảng khơi dậy, tổ chức tập hợp với tinh thần tự lực, tự cường. Thắng lợi đó đã khẳng định trong thực tế lòng tin tuyệt đối của quần chúng nhân dân vào đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân tộc trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" vẫn còn giữ nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Thực tiễn cách mạng Việt Nam gần 70 năm qua là hiện thực sinh động chứng tỏ: phát huy sức mạnh toàn dân tộc là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài

2 - Sđd, T. 6, tr. 171.

của cách mạng, là sự tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm của Đảng trong điều kiện lịch sử mới.

Vào những năm 80 của thế kỷ XX, đứng trước tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, đổi mới trở thành yêu cầu có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh dân tộc. Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã hoạch định đường lối đổi mới đất nước, chỉ rõ bốn bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc"⁽³⁾, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám đã ra Nghị quyết 8b (ngày 27-3-1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, trong đó nhấn mạnh quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đến Đại hội VII của Đảng (năm 1991), trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta khẳng định lấy khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều đó thể hiện: Đảng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của các giai tầng trong xã hội, nhất là của tầng lớp trí thức đối với sự nghiệp cách mạng nước ta trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ và kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) nêu năm bài học lớn được rút ra từ thực tiễn cách mạng, trong đó có bài học: "sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử"⁽⁴⁾ và "không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết:

đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế"⁽⁵⁾. Đại hội VII của Đảng chỉ rõ: "Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân"⁽⁶⁾; dân chủ "vừa là một mục tiêu vừa là một động lực của công cuộc đổi mới xã hội ta"⁽⁷⁾.

Tổng kết 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng đã rút ra một trong những nguyên nhân trọng yếu dẫn đến thành công của Đảng trong hoạch định đường lối và thực hiện đường lối đổi mới: Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay.

Đại hội VIII tiếp tục khẳng định tinh thần của Đại hội VII và nêu cao phương châm: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài; có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*.

Đại hội IX có bước phát triển cụ thể hơn nữa về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân: "Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài"; "lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

3 - ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, H. 1987, tr. 213.

4 - Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. CTQG, H. 2005, tr. 311.

5 - Sđd, tr. 311.

6 - ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. CTQG, H. 1991, tr. 124.

7 - Sđd, tr. 125.

dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng"; "trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức". Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"⁽⁸⁾. Như vậy, trong thời kỳ mới, quan điểm nhất quán của Đảng ta là: đại đoàn kết toàn dân, đồng thuận mọi giai tầng, trên cơ sở giải quyết hài hòa các lợi ích, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của toàn xã hội, là động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhằm cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, tư duy về đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta được phát triển lên một bước mới. Cụm từ "Đại đoàn kết toàn dân" được bổ sung, hoàn chỉnh thành "Đại đoàn kết toàn dân tộc" với ý nghĩa mở rộng đại đoàn kết, đoàn kết không chỉ đối với nhân dân ta ở trong nước mà còn với cả cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Từ tư duy đổi mới về vai trò của nhân dân, về vấn đề dân tộc trong thời kỳ mới, Đại hội X của Đảng khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"⁽⁹⁾.

Sau gần 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới và hơn 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định: phát huy sức mạnh toàn dân tộc là thành tố *Thứ hai*, sau thành tố về tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đây chính là hai thành tố quan trọng, quyết định thực hiện thành công những nhiệm vụ căn cốt nhất của toàn Đảng và toàn dân ta trong nhiệm kỳ 2011 - 2015, đó là: đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một thành tố được nêu trong chủ đề của Đại hội IX và Đại hội X, nay khẳng định lại không chỉ để nhấn mạnh mà còn nhằm làm sáng tỏ hơn bản chất và nội dung của vấn đề thông qua thực tiễn đổi mới. Sức mạnh toàn dân tộc là sức mạnh của cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của các thành phần kinh tế, các lực lượng chính trị, xã hội, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong nước và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài có cùng "mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội"⁽¹⁰⁾.

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng là sự kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện sự nhất quán kiên định tư tưởng chính trị và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh -...

(xem tiếp trang 19)

8 - ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, H. 2001, tr. 86.

9 - Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,

Nxb. CTQG, H. 2006, tr. 40 - 41.

10 - ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, H. 2001, tr. 239 - 240.